

Số: 59 /TB-GVN.PT

Phú Thọ, ngày 15 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thanh lý
Xe ô tô các loại năm 2025 của Tổng công ty Giấy Việt Nam**

- Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-BCT ngày 14/12/2022 của Bộ Công Thương về ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam;
- Căn cứ Luật đấu giá tài sản số: 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc Hội;
- Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;
- Căn cứ Thông tư 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;
- Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Tổng công ty Giấy Việt Nam thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thanh lý Xe ô tô các loại năm 2025 của Tổng công ty Giấy Việt Nam, cụ thể sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá:
 - Tên đơn vị: Tổng công ty Giấy Việt Nam.
 - Địa chỉ: Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.
 - Tài sản đấu giá: tài sản thanh lý Xe ô tô các loại năm 2025 của Tổng công ty Giấy Việt Nam, cụ thể như sau:

Tổng giá khởi điểm bán đấu giá: **3.514.240.000** đồng. Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng. (Giá trị tài sản trên đã bao gồm thuế GTGT).

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến.

STT	Tên tài sản	Biển kiểm soát	Năm SX	Số lượng	ĐVT	Đơn giá thẩm định (VNĐ)	Giá trị thẩm định (VNĐ)
1	Xe Toyota Altis	19A-172.82	2008	1	Chiếc	145.000.000	145.000.000

2	Xe Toyota Altis	29Z-8393	2007	1	Chiếc	127.000.000	127.000.000
3	Xe Toyota Innova G	29Z-4056	2007	1	Chiếc	116.000.000	116.000.000
4	Xe Toyota Innova G	30K-4516	2008	1	Chiếc	105.000.000	105.000.000
5	Xe Toyota Camry 3.0V	19L-3976	2002	1	Chiếc	115.000.000	115.000.000
6	Xe Toyota Altis	30U-0552	2009	1	Chiếc	207.000.000	207.000.000
7	Xe Toyota Innova G	19L-7980	2007	1	Chiếc	102.000.000	102.000.000
8	Xe Toyota Altis	30N-2220	2008	1	Chiếc	154.000.000	154.000.000
9	Xe Toyota Camry 3.0V	29T-0315	2003	1	Chiếc	126.000.000	126.000.000
10	Xe Toyota Prado LX	30T-5317	2009	1	Chiếc	351.000.000	351.000.000
11	Xe Toyota Innova G	29Z-0192	2007	1	Chiếc	102.000.000	102.000.000
12	Xe Toyota Camry 2.4LE	30P-8982	2008	1	Chiếc	218.000.000	218.000.000
13	Xe Ford Everest	22A-040.65	2008	1	Chiếc	157.000.000	157.000.000
14	Xe Toyota Innova G	30F-095.32	2008	1	Chiếc	120.000.000	120.000.000
15	Xe Honda CRV	30F-206.92	2013	1	Chiếc	329.000.000	329.000.000
16	Xe Toyota Camry 3.0V	52T-5008	2001	1	Chiếc	70.000.000	70.000.000
17	Xe Toyota Camry 2.0E	30A-440.61	2010	1	Chiếc	247.000.000	247.000.000
18	Xe Toyota Altis	30K-3151	2008	1	Chiếc	135.000.000	135.000.000
19	Xe Toyota Altis	23T-2014	2008	1	Chiếc	135.000.000	135.000.000
20	Xe Ford Everest	19A-05967	2010	1	Chiếc	187.000.000	187.000.000
21	Xe ô tô Scania	19L-0410	1988	10.000	kg	8.000	80.000.000
22	Xe ô tô Scania	19L-0455	1983	9.030	kg	8.000	72.240.000
23	Xe ô tô Scania	19L-0434	1987	13.000	kg	8.000	104.000.000
24	Xe ô tô tải Daihatsu 0,74 tấn	29C-297.03	2003	1	Chiếc	10.000.000	10.000.000
Tổng giá trị							3.514.240.000

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản:

- Hồ sơ đăng ký thể hiện được đầy đủ tiêu chí quy định tại Điều 3 và Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15; và các tiêu chí khác do bên có tài sản bán đấu giá quy định cụ thể theo bảng tiêu chí đánh giá đối với hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá (theo phụ lục đính kèm).

- Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ:

+ Thời gian: Trước 16h 30 ngày **2.0/5/2025**.

+ Địa điểm: Phòng Vật tư nguyên liệu - Tổng công ty Giấy Việt Nam - Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Tổng công ty Giấy Việt Nam trân trọng thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. *GA*

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản (Đăng Thông báo);
- Phòng Truyền thông (Đăng TB);
- Lưu: VT, VTNL.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Minh Việt

**PHỤ LỤC: BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ,
CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0

4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến số hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm	7,0

	<i>có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên</i>	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>	8,0
1	<i>Đã tổ chức đấu giá tài sản thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</i>	2,0
2	<i>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó. Số hợp</i>	3,0

	đồng đấu giá nhiều nhất. (Bao gồm cả chi nhánh và công ty con).	
3	Đã tổ chức đấu giá thành công tài sản theo hình thức đấu giá trực tuyến nhiều nhất trong năm 2024.	3,0
Tổng số điểm		100

